

Số: 2093/HĐTS-BPK

Cần Thơ, ngày 24 tháng 11 năm 2011

KẾT QUẢ CHẤM PHỤC KHẢO KHÔNG THAY ĐỔI ĐIỂM
TUYỂN SINH HỆ VLVH NĂM 2011

ĐƠN VỊ: TT ĐẠI HỌC TẠI CHỨC CẦN THƠ (CT)

Trang: 1

STT	SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				KHỐI	NGÀNH	TÊN NGÀNH
					MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	VĂN TL			
1	00225	Huỳnh Minh Chiến		11/06/92	04.50	03.75	03.25		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
2	00230	Phạm Tuấn Cường		01/01/93	02.75	03.50	03.25		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
3	00253	Lâm Hoàng Đức		12/02/93	03.00	02.50	04.50		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
4	00271	Tô Văn Hoá		17/05/93		04.00			A	112	Xây dựng dân dụng & CN
5	00293	Lê Văn Lào		00/00/92	03.25	02.75	03.75		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
6	00317	Trần Tuấn Nghĩa		23/07/93	03.00	04.50	02.75		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
7	00356	Nguyễn Công Tài		13/09/93	03.75	04.75	03.00		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
8	00363	Lê Nhật Thanh		07/04/93	03.00	04.25	03.00		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
9	00369	Ngô Quốc Thắng		26/06/93	02.75	04.75	03.75		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
10	00399	Nguyễn Duy Trọng		19/08/91	02.75	04.50	02.25		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
11	00417	Trần Hoàng Vinh		25/04/92	03.25	04.50	02.50		A	112	Xây dựng dân dụng & CN
12	00463	Quách Thanh Tú		23/03/90	03.50	03.50	02.25		A	120	Hệ thống thông tin
13	00476	Nguyễn Thị Ngọc Dung	X	02/02/93	03.75	05.25	02.50		A	201	Công nghệ thực phẩm
14	00478	Lê Thị Mỹ Duyên	X	28/12/92	03.50	04.75	02.25		A	201	Công nghệ thực phẩm
15	00488	Phạm Nguyễn Thu Hằng	X	08/04/92		03.25	03.00		A	201	Công nghệ thực phẩm
16	00495	Bùi Văn Khánh		25/12/92	02.50	04.00	03.25		A	201	Công nghệ thực phẩm
17	00504	Đỗ Lâm Tấn Lộc		23/03/93	03.75	03.75	03.50		A	201	Công nghệ thực phẩm
18	01534	Trần Thị Bên	X	10/08/92	04.50	03.00	01.75		B	306	Thú y
19	01544	Trần Thị Bình Minh	X	02/06/85	03.50	02.50	03.50		B	306	Thú y
20	00566	Đặng Thị Huỳnh Anh	X	21/10/92	04.25	04.50	02.75		A	403	Tài chính - Ngân hàng
21	00577	Phan Hoàng Anh	X	24/09/93	02.50	03.25	01.75		A	403	Tài chính - Ngân hàng
22	00583	Trần Thị ái Băng	X	25/07/93	03.00	04.25	03.00		A	403	Tài chính - Ngân hàng
23	00601	Hùynh Thị Ngọc Diễm	X	01/06/92	03.00	04.25	03.75		A	403	Tài chính - Ngân hàng
24	00606	Nguyễn Thị Diệu	X	11/10/92	03.25	03.75	03.00		A	403	Tài chính - Ngân hàng
25	00636	Trương Minh Đăng		27/01/93	04.25	04.25	02.50		A	403	Tài chính - Ngân hàng
26	00645	Nguyễn Thị Thùy Giang	X	/ / 93	02.50	04.00	04.25		A	403	Tài chính - Ngân hàng
27	00700	Trần Thị Diễm Kiều	X	05/01/92	02.75	05.50	02.50		A	403	Tài chính - Ngân hàng
28	00717	Trần Thị Trúc Linh	X	01/10/93	03.00	04.50	03.75		A	403	Tài chính - Ngân hàng
29	00733	Huỳnh Hoàng My	X	02/11/93	04.25				A	403	Tài chính - Ngân hàng
30	00754	Nguyễn Tường Ngọc	X	17/02/93	04.50	04.25	02.25		A	403	Tài chính - Ngân hàng
31	00805	Võ Thị Mỹ Phương	X	29/01/93	03.75	03.75			A	403	Tài chính - Ngân hàng
32	00818	Lương Phước Tài		08/10/92	03.50	02.75	03.50		A	403	Tài chính - Ngân hàng
33	00826	Nguyễn Thanh Tân		07/03/92	03.50	04.50	03.25		A	403	Tài chính - Ngân hàng
34	00841	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	X	14/04/93	04.50	04.00	02.50		A	403	Tài chính - Ngân hàng
35	00878	Trần Ngọc Diễm Thy	X	10/03/90	03.50		02.50		A	403	Tài chính - Ngân hàng
36	00885	Trần Thiện Toàn		10/01/93	04.50	04.50	02.50		A	403	Tài chính - Ngân hàng
37	00891	Nguyễn Thị Minh Trang	X	09/10/93	03.25	04.50	02.00		A	403	Tài chính - Ngân hàng
38	00968	Trần Thị Hải Yến	X	05/07/92	03.25	04.50	03.75		A	403	Tài chính - Ngân hàng
39	00976	Ngô Văn Bằng		18/06/93	03.00	03.25	02.25		A	404	Quản trị kinh doanh
40	01002	Nguyễn Hồng Đạm	X	09/09/92	04.50	03.50	03.50		A	404	Quản trị kinh doanh
41	01016	Nguyễn Văn Hậu		16/10/89	02.25	04.25	03.25		A	404	Quản trị kinh doanh
42	01027	Võ Quốc Hùng		13/06/93	04.25	03.25	03.25		A	404	Quản trị kinh doanh
43	01039	Trịnh Trung Kiên		08/10/93		03.25	03.25		A	404	Quản trị kinh doanh

STT	SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				KHỐI	NGÀNH	TÊN NGÀNH
					MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	VĂN TL			
44	01061	Nguyễn Hồng Ngọc	X	05/01/90	03.25	04.75	02.00		A	404	Quản trị kinh doanh
45	01063	Phạm Võ Tuấn Ngọc		18/04/91	04.50	02.50	03.25		A	404	Quản trị kinh doanh
46	01087	Dương Mỹ Phương	X	15/12/90	02.50	04.25	02.25		A	404	Quản trị kinh doanh
47	01088	Nguyễn Việt Phương		13/10/92	02.25	02.75	03.50		A	404	Quản trị kinh doanh
48	01089	Võ Duy Phương		01/01/90	03.25	01.75	02.25		A	404	Quản trị kinh doanh
49	01112	Phan Thành		09/09/93	03.00	05.00	03.25		A	404	Quản trị kinh doanh
50	01133	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	X	12/11/93	02.50	04.50	02.25		A	404	Quản trị kinh doanh
51	01140	Lê Đức Toàn		09/07/93	02.25	05.25	02.75		A	404	Quản trị kinh doanh
52	01159	Huyền Quốc Tuấn		19/05/93	02.50	02.75			A	404	Quản trị kinh doanh
53	01163	Nguyễn Quang Tuấn		03/07/93	03.75	04.25	03.25		A	404	Quản trị kinh doanh
54	01206	Thái Thị Hoa	X	18/10/92	03.25	04.25	02.75		A	406	Kinh doanh quốc tế
55	01248	Vương Tấn Minh Quân		21/11/90	02.50	03.75	04.50		A	406	Kinh doanh quốc tế
56	01251	Trần Thị Kim Quý	X	24/04/89		03.75	02.75		A	406	Kinh doanh quốc tế
57	01257	Lung Thị Thái Thảo	X	27/05/93	02.50	04.50	04.00		A	406	Kinh doanh quốc tế
58	01260	Nguyễn Thu Thảo	X	24/03/93	02.50	04.50	02.50		A	406	Kinh doanh quốc tế
59	01269	Đặng Cẩm Tiên	X	12/03/93	02.75	03.75	02.50		A	406	Kinh doanh quốc tế
60	01271	Trần Thị Thủy Tiên	X	/ /93	03.00	03.50	03.75		A	406	Kinh doanh quốc tế
61	01277	Trần Thiên Trang	X	01/05/89	02.00	04.50			A	406	Kinh doanh quốc tế
62	01292	Trương Phương Bình		24/02/86	03.50	04.00	02.50		A	408	Quản lý đất đai
63	01293	Nguyễn Hữu Có		04/10/92	02.50	05.25	02.25		A	408	Quản lý đất đai
64	01295	Nguyễn Văn Dự		28/04/85	03.00	03.50	02.50		A	408	Quản lý đất đai
65	01304	Nguyễn Tuấn Kiệt		10/04/84	02.50	03.25	02.75		A	408	Quản lý đất đai
66	01312	Nguyễn Công Nguyên		15/08/85	02.00		03.50		A	408	Quản lý đất đai
67	01313	Phan Hồ Khắc Phi		10/10/91	01.75	02.25	03.50		A	408	Quản lý đất đai
68	01370	Trần Ngọc Đức		19/02/93	03.00	04.75	02.75		A	412	Kế toán - Kiểm toán
69	01381	Hồ Thị Phương Hiền	X	29/11/93	03.00	05.50	02.75		A	412	Kế toán - Kiểm toán
70	01395	Nguyễn Ngô Bích Liên	X	05/01/92	03.00	05.25	03.00		A	412	Kế toán - Kiểm toán
71	01421	Dương Huỳnh Bích Ngọc	X	15/04/93	03.25	03.25	02.00		A	412	Kế toán - Kiểm toán
72	01449	Nguyễn Hồng Phương		09/02/93	03.50	02.50	04.50		A	412	Kế toán - Kiểm toán
73	01453	Trần Diệu Quang		15/11/93	02.50		03.75		A	412	Kế toán - Kiểm toán
74	01472	Lê Thị Mai Thảo	X	03/12/93	04.00	04.75	02.50		A	412	Kế toán - Kiểm toán
75	01491	Nguyễn Hữu Tấn		12/10/93	03.00	02.00	03.25		A	412	Kế toán - Kiểm toán
76	01498	Nguyễn Ngọc Thảo Trang	X	29/09/93	03.75	04.25	03.50		A	412	Kế toán - Kiểm toán
77	01524	Trần Thị Thanh Vân	X	13/01/93		05.25			A	412	Kế toán - Kiểm toán
78	01576	Nguyễn Hoàng Anh		25/02/89	03.75	04.50	06.60	00.50	C	501	Luật
79	01608	Lê Văn Cường		20/03/83			05.28	01.00	C	501	Luật
80	01618	Triệu Duy		17/08/85	03.50	03.25	05.94	01.50	C	501	Luật
81	01650	Huyền Thị Thanh Hằng	X	01/08/92			06.93	03.00	C	501	Luật
82	01700	Nguyễn Trúc Khuyên	X	04/10/93	03.75	04.50	06.60	01.50	C	501	Luật
83	01861	Trần Thị Cẩm Thà	X	09/11/92	04.25	05.50	05.61	01.00	C	501	Luật
84	01881	Nguyễn Chí Thiện		23/06/93	03.75	03.50	06.27	03.50	C	501	Luật
85	01907	Bùi Thị Thu Thủy	X	20/04/87	03.00	06.00	05.94	01.00	C	501	Luật
86	01923	Phan Quốc Toàn		17/09/81	02.50	04.50	04.29	03.00	C	501	Luật
87	01967	Trần Văn Vàng		29/03/91	02.25	03.50	05.61	05.00	C	501	Luật
88	02020	Trương Minh Luân		08/01/92	04.00	04.50	06.93	00.00	D1	751	Ngôn ngữ Anh

P.CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Châu Văn Lược